

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐH  
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 8 – 2020

V/v “*Không công nhận  
quan hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Kim Tiến

Ông Lý Văn Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 708/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Lộc Hưng, xã Lộc Gi, huyện ĐH, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn Ch, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp An Hưng, xã An Ninh Đ, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Bà L có mặt, ông Ch vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Phan Văn Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, ông Ch không quan tâm lo lắng cho bà. Bà và ông Ch đã không còn chung sống với nhau và đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay bà xác

định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn Ch.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông Ch có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ngọc Vàng, sinh năm 1996, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà L xác định bà và ông Ch không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định bà và ông Ch không có nợ ai.

Bị đơn ông Phan Văn Ch trình bày lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án như sau: Thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị L về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian ly thân, con chung; về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có. Nay bà Nguyễn Thị L xin ly hôn, ông Ch đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Ch. Ông Ch hiện đang cư trú tại xã An Ninh Đ, huyện ĐH, tỉnh LA. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Phan Văn Ch có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn Ch tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1990, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì bà L và ông Ch thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên

vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà L và ông Ch không còn sống chung với nhau từ năm 2005 cho đến nay. Xét thấy, bà L và ông Ch sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của bà L và ông Ch không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn Ch là vợ chồng.

[4.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà L và ông Ch có một con chung tên Nguyễn Thị Kim Ngọc Vàng, sinh năm 1996. Con chung hiện đã thành niên, tự chăm sóc bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản chung: Bà L và ông Ch đều khai không có, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Bà L và ông Ch đều khai không có nợ ai, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Phan Văn Ch là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Kim Ngọc Vàng, sinh năm 1996. Con chung hiện đã thành niên, tự chăm sóc bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005765 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA. Bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Ch không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Quốc**